TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2025
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Síu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thao.

2. Ông Quách Đình Hoằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2025/TLST –HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh V; sinh năm 1984; địa chỉ: 47/3/16 L, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: 47/3/16 L, , phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2025, bản tự khai, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H nay là phường P, tỉnh Gia Lai vào năm 2013. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tiếng nói chung, chị đã cố gắng chịu đựng vì nghĩ đến hạnh phúc của các con. Đến nay chị nhận thấy cuộc

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Minh T. Chị không đồng ý đoàn tụ.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Minh T có 02 con là Phạm Minh Q, sinh ngày 02/01/2014 và Phạm Thị Minh Ph, sinh năm 05/5/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Vì chị không muốn tách các con người ở với cha, người ở với mẹ, đồng thời trong gia đình các con gần gũi với chị và được chị chăm sóc tốt hơn nên chị mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, anh Phạm Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoa Lư nay là phường Pleiku, tỉnh Gia Lai vào năm 2013. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận, anh chị chỉ không hợp nhau chuyện chăn gối và có mâu thuẫn nhỏ hàng ngày làm cho vợ chồng không thấu hiểu nhau. Nay anh còn tình cảm với vợ con, anh vẫn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, chăm lo cho gia đình nên mong muốn được đoàn tụ, để vợ chồng cùng nuôi dạy các con được tốt.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh V có 02 con là Phạm Minh Q, sinh ngày 02/01/2014 và Phạm Thị Minh Ph, sinh năm 05/5/2016.

Trường hợp ly hôn, anh không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, nghĩa vụ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Cho chị Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn anh Phạm Minh T.

Về con chung: Giao các con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 02/01/2014 và Phạm Thị Minh Ph, sinh năm 05/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành và tự lập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Pleiku, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V và Anh Phạm Minh T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H nay là phường P, tỉnh Gia Lai vào năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh V: Tòa án đã hòa giải để anh chị thỏa thuận đoàn tụ nhưng chị V không đồng ý đoàn tụ nên việc hòa giải đoàn tụ không thành.

Mục đích chính của hôn nhân là xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững và cùng nhau phát triển. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét hôn nhân của anh chị, hiện tại chị V thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên mong muốn được ly hôn. Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con, vẫn quan tâm chăm sóc vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ nhưng chị V không đồng ý đoàn tụ nên yêu cầu của anh T không được chấp nhận. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh V là chính đáng. Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn anh Phạm Minh T.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Phạm Minh T có 02 con là Phạm Minh Q, sinh ngày 02/01/2014 và Phạm Thị Minh Ph, sinh năm 05/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu Quân và cháu Phương thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị V là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Quân và cháu Phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị, giao cháu Phạm Minh Q và cháu Phạm Thị Minh Ph cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Phạm Minh T không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh V.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn anh Phạm Minh T.

- Về con chung: Giao các cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 02/01/2014 và Phạm Thị Minh Ph, sinh năm 05/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên mà không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động hoặc không có khả năng lao động nhưng có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001400 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 – Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 – Gia Lai;
- Đương sự;
- UBND phường P;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Síu